TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TX THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:233/2020/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày* 25*tháng*5 *năm* 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬNCỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TX

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số226/2020/TLST-HNGĐ ngày15tháng5năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông NMK, sinh năm 1976; chứng minh nhân dân số 001076003140 do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 03.11.2014.

2. Bà TPT, sinh năm 1981; chứng minh nhân dân số 036181000220 do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 03.11.2014.

Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: Số 25 ngõ 63 phố VTP, phường TXT, quận TX, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

(1). Ngày 19.03.2020, ông NMK và bà TPT có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận TX giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nội dung yêu cầu cụ thể như sau:

+ Về hôn nhân:

Ông NMK và bà TPT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03.3.2005 tại Ủy ban nhân dân phường TXT, quận TX, thành phố Hà

Nội. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

+ Về con chung;Ông NMK và bà TPTcó 01 con chung:NHA, sinh ngày 08.5.2006. Khi ly hôn, thỏa thuận giao con chung NHA, sinh ngày 08.5.2006 cho bà TPT trực tiếp nuôi dưỡng, ông NMK cấp dưỡng nuôi con cho bà TPT 10.000.000 đồng/tháng (mười triệu đồng một tháng) kể từ tháng 6.2020.

Ông NMK được quyền đi lại, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

+ Về tài sản chung, vay nợ chung và riêng:Ông NMK và bà TPTtự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết.

+ Về lệ phí:Ông NMK và bà TPTtự chịu lệ phí ly hôn theo quy định.

(2). Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày15tháng5năm 2020, các bên đương sự đã thống nhất được toàn bộ nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày15 tháng5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:Ông NMK và bà TPTthuận tình ly hôn.

- Về con chung:Ông NMK và bà TPTcó 01 con chung:NHA, sinh ngày 08.5.2006.

Giao con chung NHA, sinh ngày 08.5.2006 cho bà TPT trực tiếp nuôi dưỡng, ông NMK cấp dưỡng nuôi con cho bà TPT 10.000.000 đồng/tháng (mười triệu đồng một tháng) kể từ tháng 6.2020.

Ông NMK được quyền đi lại, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Ông NMK và bà TPTtự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông NMK và bà TPTkhông yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông NMK và bà TPTmỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông NMK và bà TPTđã nộp tại biên lai số 0000084ngày 15.5.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận TX;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

PHƯƠNG THẢO

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).